

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN HẢI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỰC HIỆN CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2024 – 2025

Hải Phòng, tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỰC HIỆN CÔNG KHAI NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 2941/SGDĐT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

Trường THPT An Hải báo cáo thực hiện công khai về các mặt của nhà trường trong năm học 2024-2025 như sau:

I. CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG (2)) - TRƯỜNG THPT AN HẢI
NĂM HỌC 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT An Hải**2. Địa chỉ trụ sở chính**

- Tổ dân phố 7, Phường An Dương, thành phố Hải Phòng
- Hotline: 0225.626.517
- Gmail: thpt-anhai@haiphong.edu.vn
- Website: thptanhai.haiphong.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp:

- Loại hình: Tư thục.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng : Tiên phong trong đổi mới giáo dục, đào tạo chất lượng cao, phát triển tinh thần tự chủ, trách nhiệm của học sinh với bản thân, gia đình và đất nước.

4.2. Tầm nhìn: Trở thành trường trung học phổ thông chất lượng cao toàn diện. Ứng dụng công nghệ giáo dục trong dạy học đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại.

4.3. Mục tiêu chiến lược của nhà trường:

- Từng bước thay đổi chất lượng giáo dục để xây dựng Trường THPT An Hải trở thành một mô hình giáo dục “Tiên phong trong đổi mới” tại thành phố Hải Phòng.
- Từng bước nâng cao trình độ ngoại ngữ và Tin học cho học sinh. Yêu cầu học sinh học Trường THPT An Hải phải thành thạo Tin học và giao tiếp tốt Tiếng Anh để sau 03 năm học tốt nghiệp ra trường các em phải Hội nhập được và có một việc làm tốt.
- Kết hợp “*Dạy chữ - Dạy người và định hướng nghề nghiệp*”.

- Xây dựng hình ảnh của nhà trường tích cực trong suy nghĩ và hành động của phụ huynh, tạo được sự tin yêu, niềm tin của phụ huynh.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên trình độ cao, có tinh thần học hỏi và say mê tích cực trong giảng dạy, giáo dục học sinh.
- Xây dựng một tập thể nhà trường mà mỗi thành viên đều thấy trách nhiệm, nghĩa vụ, tình yêu của mình với ngôi trường, với học sinh.
- Xây dựng hình ảnh người học sinh tích cực, năng động và nhân ái. Xây dựng hình ảnh người cán bộ, giáo viên mẫu mực trong dạy học và cuộc sống.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

5.1. Lịch sử hình thành nhà trường

- Năm thành lập: 17-07-1997
- Tên gọi: Trường Dân lập An Hải - Trường THPT Tư Thục An Hải
- Ban sáng lập: Bà Nguyễn Thị Xuân; Ông Vũ Hữu Lý; Ông Nguyễn Minh Tuấn; Ông Phạm Văn Đức - là những người đồng sáng lập nhà trường
- Địa điểm: Kho Vật tư Nông nghiệp - số 81 đường 351, Thị trấn An Dương, Huyện An Dương
- Những năm đầu hoạt động, trường phải thuê địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy còn manh mún, 100% giáo viên thỉnh giảng. Tuy nhiên, bằng tâm huyết, sự nỗ lực của Ban sáng lập, sự nhất trí cao của các bậc phụ huynh và sự mong mỏi của các em học sinh. Nhà trường đã quyết tâm xây dựng phát triển trường THPT An Hải trở thành địa điểm giáo dục chất lượng-uy tín.

5.2. Sự phát triển của nhà trường

- Năm chính thức xây dựng: 2003
- Tên gọi: Trường THPT An Hải
- Địa điểm chính thức: Tổ dân phố 7, Thị trấn An Dương, Huyện An Dương
- Tổng diện tích nhà trường: 11.500m²
- Hội đồng trường: Bà Nguyễn Thị Xuân – Chủ tịch HĐQT
- Số vốn đầu tư
- + Giai đoạn 2004-2010: 25 tỷ
- + Giai đoạn 2010- 2020: 45 tỷ
- + Giai đoạn 2020 - nay: 65 tỷ
- Các thành tích nổi bật của nhà trường
- + Trường được UBND thành phố công nhận: “Trường chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3”, “Tập thể lao động xuất sắc”
- + 15 năm liên tục, từ 2009- 2010 đến năm học 2024-2025: luôn là một trong ba trường đứng top đầu trong khối thi đua các trường Ngoài công lập
- + Trường được Bộ GD&ĐT, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen: ***“Đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo, góp phần xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”***

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Dịu
- Chức vụ: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường

- Số điện thoại: 0963.026.699
- E-mail: hongdiu.ah@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập và giai đoạn đổi tên loại hình trường.

Quyết định số 1178/QĐ-UB ngày 17/7/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Trường Phổ thông trung học Dân lập An Hải.

Quyết định số 705/QĐ-UB ngày 09/5/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chuyển Trường Phổ thông trung học Dân lập An Hải thành Trường Trung học phổ thông Tư thục An Hải.

Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 10/8/2007 của UBND thành phố cho phép đổi tên Trường Trung học phổ thông Tư thục An Hải thành Trường THPT An Hải.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường:

- Quyết định công nhận chủ tịch hội đồng trường và các thành viên hội đồng Hội đồng trường: Quyết định số 1155/QĐ-SGDĐT ngày 21/9/2022 Công nhận Hội đồng trường Trường THPT An Hải nhiệm kỳ 2022-2027.
- Danh sách các thành viên hội đồng Hội đồng trường: 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Góp vốn đầu tư
1	Bà Nguyễn Thị Xuân	Chủ tịch HĐT	Nhà đầu tư
2	Ông Vũ Trung Linh	Ủy viên	Nhà đầu tư
3	Ông Vũ Công Minh	Ủy viên	Nhà đầu tư
4	Bà Phạm Thị Thu Hương	Ủy viên	Không
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Dịu	Thư ký	Không

c. Quyết định công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quyết định công nhận	Năm công nhận	Số điện thoại
1	Nguyễn Thị Hồng Dịu	Hiệu trưởng	Số: 145/QĐ-SGDĐT-TCCB	Năm 2020	0963026699
2	Nguyễn Quang Hiếu	Phó Hiệu trưởng 1	Số: 144/QĐ-SGDĐT-TCCB	Năm 2020	0973888182
3	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Hiệu trưởng 2	Số: 1302/QĐ-SGDĐT-TCCB	Năm 2020	0972521107

d. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của trường.

*** Quy chế tổ chức và hoạt động của trường (nội dung chính):**

- Hội đồng trường đại diện các nhà đầu tư; xây dựng chiến lược phát triển nhà trường; quy định trách nhiệm nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng trường; ban kiểm soát, thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục ban hành kèm theo Thông tư số: 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT. Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện luật dân chủ trong hoạt động nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.

- Hiệu trưởng đề nghị thành lập các tổ chức chính trị, xã hội trong trường; thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, bổ nhiệm tổ trưởng, nhóm trưởng các tổ chuyên môn, văn phòng; Phân công các thành viên BGH quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; CSVC, VSMT... phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện theo yêu cầu Hội đồng trường và của các cấp có thẩm quyền quản lý học sinh và các hoạt động GD; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỉ luật học sinh. Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:**

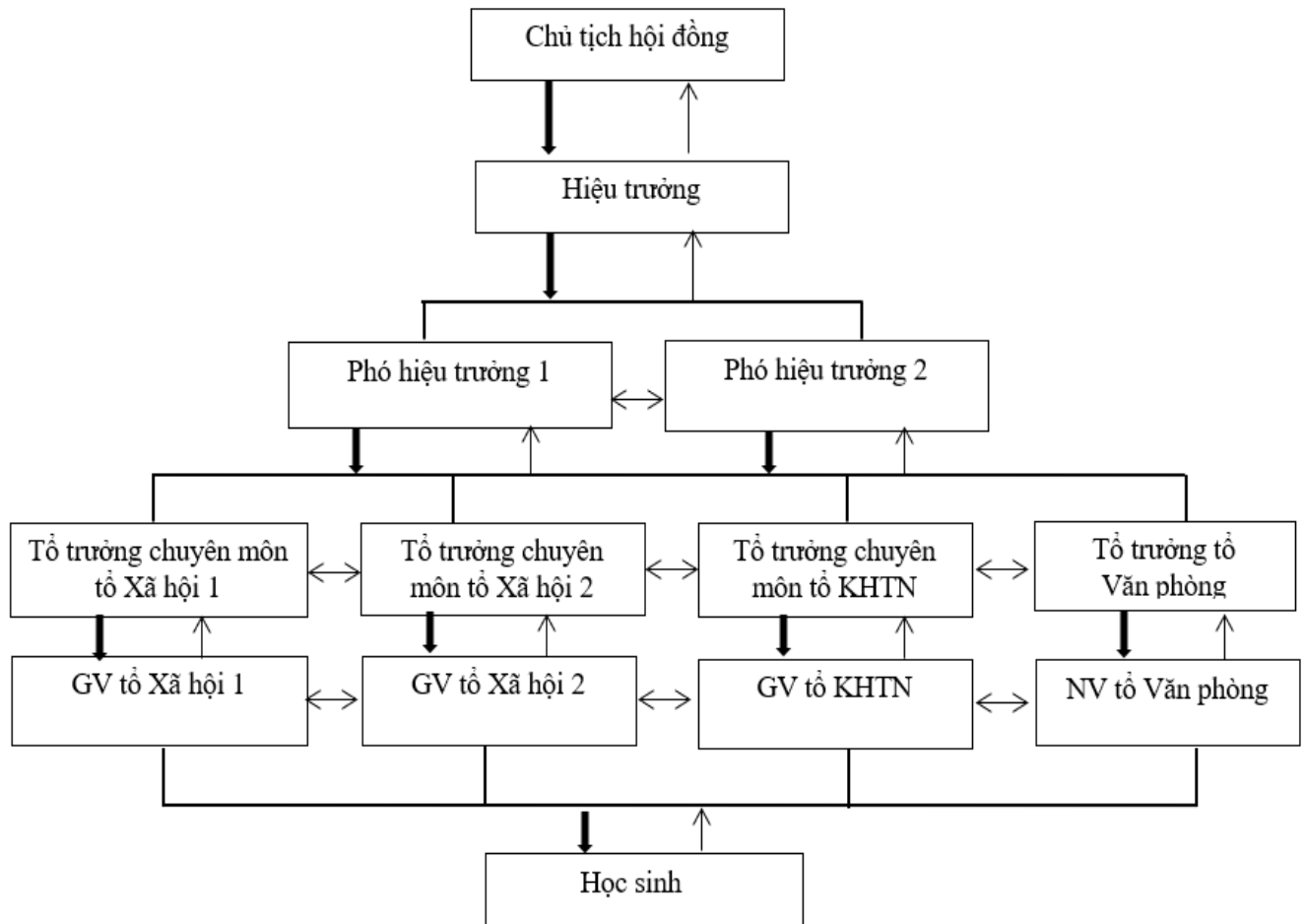
- Trường có nhiệm vụ và quyền hạn như trường phổ thông công lập theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục, ban hành kèm theo Thông tư số: 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT.

- Trường tự chủ và tự chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch phát triển; xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên; huy động, sử dụng và quản lý các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông.

- Trường có trách nhiệm báo cáo công khai các mặt hoạt động tài chính, giáo dục của nhà trường theo quy định tại Thông tư số 09/2004/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và yêu cầu của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- Trường thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

c. Sơ đồ tổ chức bộ máy:



Sơ đồ cơ cấu tổ chức Trường THPT An Hải

Chú thích:

Quan hệ chỉ đạo: - Quan hệ báo cáo: - Quan hệ phối hợp:

d. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử của ban lãnh đạo nhà trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Hồng Dịu	Hiệu trưởng	0963026699	hongdiu.ah@gmail.com
2	Nguyễn Quang Hiếu	Phó Hiệu trưởng 1	0973888182	hieu79ah@gmail.com
3	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Hiệu trưởng 2	0972521107	t0906084588@gmail.com

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Quy chế tổ chức hoạt động;
- Chiến lược phát triển;
- Hợp đồng lao động;
- Quy chế dân chủ cơ sở (Thực hiện theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số: 10/2022/QH ngày 10/11/2022);
- Thỏa ước lao động tập thể;
- Bộ quy tắc ứng xử;
- Nghị quyết của Hội đồng trường;
- Quyết định tăng lương theo thời hạn, trước thời hạn;
- Thông báo tuyển dụng...

II. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN (3) - TRƯỜNG THPT AN HẢI.

NĂM HỌC 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

[illegible]

1	Văn thư	1	0	0	0	0	1	0						
2	Kế toán	1	0	0	1	0	0	0						
3	Thủ quỹ	1	0	0	0	1	0	0						
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0						
5	Thư viện	1	0	0	0	0	1	0						

III. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG (4) - TRƯỜNG THPT AN HẢI NĂM HỌC 2023 – 2024

(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	32	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	32	
1	Phòng học kiên cố	32	54 m ² /phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	30->60 m ² /phòng
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	200 m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	54 m ² /phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	45,48	
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)		11.500 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²) - Sân bóng = 1200 m ² - Sân tập có mái = 400 m ² - Đường chạy = 500 m ² - Sân chơi = 1500 m ²	4	3.600 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	32	54 m ² /phòng
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	4	30->60 m ² /phòng
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	200 m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1	400 m ²
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	2	200 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		1 bộ/lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		25 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 11		20 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 12		22 bộ/lớp
1.4	Khối lớp ...		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		05 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 11		07 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 12		08 bộ/lớp
2.4	Khối lớp ...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		-
1	Màn hình led	2	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	10	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác: Camera	52	
6	Bình nóng lạnh	2	
7	Tủ thư viện lớp, tủ đựng	31	
8	Điều hòa	71	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	31	31/31 lớp
5	Thiết bị khác: Camera thu phát âm thanh	37	31/31
6	Bình nóng lạnh	2	
7	Tủ thư viện lớp/tủ đựng điện thoại	31	31/31
8	Điều hòa	71	62/31

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	30

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	5	20	5	20	2	30	2	30
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

XX. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của pháp luật

1. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 NĂM 2024 – 2025 (Có điều chỉnh)

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	TOÁN 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	NXB GIÁO DỤC
2	NGŨ VĂN 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	NXB GIÁO DỤC
3	TIẾNG ANH 10 Explore New Worlds	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân	NXB GIÁO DỤC
4	LỊCH SỬ 10	Cánh diều	Đỗ Thanh Bình	NXB Đại học Huế
5	ĐỊA LÝ 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	NXB GIÁO DỤC
6	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương	NXB GIÁO DỤC
7	VẬT LÝ 10	Kết nối tri thức	Vũ Văn Hùng	NXB GIÁO DỤC

		với cuộc sống		
8	HÓA HỌC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	NXB GIÁO DỤC
9	SINH HỌC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	NXB GIÁO DỤC
10	TIN HỌC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	NXB GIÁO DỤC
11	GIÁO DỤC THỂ CHẤT 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	NXB GIÁO DỤC
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	NXB GIÁO DỤC
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc	NXB GIÁO DỤC
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc	NXB GIÁO DỤC
12	QUỐC PHÒNG AN NINH 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm Viết Hải	NXB GIÁO DỤC
13	CÔNG NGHỆ 10 (Thiết kế và công nghệ)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB GIÁO DỤC
14	CÔNG NGHỆ 10 (Công nghệ trồng trọt)	Cánh diều	Nguyễn Tất Thắng	NXB Đại học Huế
15	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	NXB GIÁO DỤC

2. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 NĂM 2024 – 2025

T T	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Trường THPT An Hải
1	TOÁN 11	Cánh diều (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Đỗ Đức Thái	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Hà Huy Khoái	1
		Chân trời sáng tạo (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Trần Nam Dũng	
		Cùng khám phá (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Lê Thị Hoài Châu	
2	NGŨ VĂN 11	Cánh diều (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Bùi Mạnh Hùng	1
		Chân trời sáng tạo (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Nguyễn Thành Thi	
3	TIẾNG	Global Success	Hoàng Văn Vân	1

	ANH 11	Friends Global	Vũ Mỹ Lan	
		THiNK	Nguyễn Thị Diệu Hà	
		English Discovery	Trần Thị Lan Anh	
		Explore New Worlds (Cánh điều)	Nguyễn Thanh Bình	
		Bright	Võ Đại Phúc	
		i-learn Smart World	Võ Đại Phúc	
		C21-Smart	Lê Hoàng Dũng	
		Macmillan Move On	Hoàng Tăng Đức	
4	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11	Cánh điều (GDKT&PL 11, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (GDKT&PL 11, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Minh Đoan	1
		Chân trời sáng tạo (GDKT&PL 11, Chuyên đề học tập)	Huỳnh Văn Sơn	
6	LỊCH SỬ 11	Cánh điều (Lịch sử 11, Chuyên đề học tập)	Đỗ Thanh Bình	1
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Lịch sử 11, Chuyên đề học tập)	Vũ Minh Giang	
		Chân trời sáng tạo (Lịch sử 11, Chuyên đề học tập)	Hà Minh Hồng	
7	ĐỊA LÍ 11	Chân trời sáng tạo (Địa lí 11)	Nguyễn Kim Hồng	
		Chân trời sáng tạo (Chuyên đề học tập Địa lí 11)	Mai Phú Thanh, Hoàng Trọng Tuấn	
		Cánh điều	Lê Thông – Nguyễn Đức Vũ	
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh , Nguyễn Thị Vũ Hà .	1
8	VẬT LÍ 11	Cánh điều (Vật lí 11, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Văn Khánh	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Vật lí 11, Chuyên đề học tập)	Vũ Văn Hùng	1
		Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh	
9	HÓA HỌC 11	Cánh điều (Hóa học 11, Chuyên đề học tập Hóa học 11)	Trần Thành Huế	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Hóa học 11, Chuyên đề học tập Hóa học 11)	Lê Kim Long	1
		Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	
11	SINH HỌC 11	Cánh điều (Sinh học 11, Chuyên đề học tập Sinh học 11)	Mai Sỹ Tuấn	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Sinh học 11, Chuyên đề học tập Sinh học 11)	Phạm Văn Lập	1
		Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám	
11	TIN HỌC	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm	

11		Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	
		Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	1
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Tin học ứng dụng	Phạm Thế Long	
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Khoa học máy tính	Phạm Thế Long	1
		Tin học ứng dụng (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Khoa học máy tính (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Tin học ứng dụng (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Khoa học máy tính (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm	
12	CÔNG NGHỆ 11	Công nghệ cơ khí + Chuyên đề học tập Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	1
		Công nghệ chăn nuôi + Chuyên đề học tập CN chăn nuôi (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	
		Công nghệ cơ khí + Chuyên đề học tập Công nghệ cơ khí (Cánh điều)	Nguyễn Trọng Khanh	
		Công nghệ chăn nuôi + Chuyên đề học tập CN chăn nuôi (Cánh điều)	Nguyễn Tất Thắng	1
13	ÂM NHẠC 11	Kết nối tri thức với cuộc sống (Âm nhạc 11, Chuyên đề học tập Âm nhạc 11)	Phạm Phương Hoa	1
		Cánh điều	Nguyễn Hoàng Hậu	
		Chân trời sáng tạo (Âm nhạc 11, Chuyên đề học tập Âm nhạc 11)	Hồ Ngọc Khải	
14	MĨ THUẬT 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 11	Đình Gia Lê	
		Hội họa	Đình Gia Lê	
		Kiến trúc	Đình Gia Lê	
		Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	Đình Gia Lê	
		Lí luận và lịch sử mỹ thuật	Đình Gia Lê	
		Đồ họa (tranh in)	Đình Gia Lê	
		Điêu khắc	Đình Gia Lê	
		Thiết kế thời trang	Đình Gia Lê	
		Thiết kế đồ họa	Đình Gia Lê	
		Thiết kế công nghiệp	Đình Gia Lê	
		Thiết kế mỹ thuật, sân khấu điện ảnh	Đình Gia Lê	
15	GIÁO DỤC THỂ CHẤT 11	Bóng chuyền 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	
		Bóng rổ 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	1
		Bóng đá 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết	

		sống)		
		Cầu lông 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết	
		Bóng đá 11 (Cánh diều)	Đình Quang Ngọc	
		Bóng rổ 11 (Cánh diều)	Đình Quang Ngọc	
		Cầu lông 11 (Cánh diều)	Đình Quang Ngọc	
		Đá cầu 11 (Cánh diều)	Đình Quang Ngọc	
16	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang	
		Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	
		Chân trời sáng tạo 2	Đinh Thị Kim Thoa	
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	1
17	GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 11	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nghiêm Viết Hải	1
		Giáo dục quốc phòng và an ninh 11		

IV. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (5) - TRƯỜNG THPT AN HẢI – NĂM HỌC 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

1. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG:

Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 1,2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	Không đạt	Sĩ số HS trên 40 (QĐ không quá 40 HS/lớp)
Tiêu chí 1.6		x	x	x	

Tiêu chí 1.7		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.8		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.9		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.10		x	x	Không có	
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		x	x	Không đạt	Diện tích đạt 8,16m ² (QĐ ít nhất 10m ² /HS)
Tiêu chí 3.2		x	x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	Không có	
Tiêu chí 3.5		x	x	Không đạt	Diện tích đạt 8,16 m ² (QĐ ít nhất 10m ² /HS)
Tiêu chí 3.6		x	x	Không đạt	Thiết bị cũ, còn thiếu so với yêu cầu đổi mới của CTPT 2018
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	Không có	
Tiêu chí 5.4		x	x	Không có	
Tiêu chí 5.5		x	x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	x	HS bỏ học = 1% (QĐ bỏ học không quá 1%)

Kết quả: Chưa đạt Mức 2

1.3. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	x		Kế hoạch giáo dục tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến các nước trong khu vực và thế giới
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4	x		Thư viện hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại

			phù hợp tiêu chuẩn khu vực và quốc tế
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6		x	

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 2



2. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG SAU TỰ ĐÁNH GIÁ:

2.1. Về công tác chỉ đạo, tuyên truyền.

- Hoạt động tốt website nhà trường, thường xuyên tuyên truyền phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến mọi tầng lớp nhân dân.

2.2. Kế hoạch triển khai thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn

Tiêu chí	Người thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Thời gian thực hiện	Giải pháp
Tiêu chí 1.1	Hiệu trưởng nhà trường		Các năm học 2022-	- Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng

	- GV phụ trách website -Ban Tuyên truyền, tuyển sinh.		2023 2023-2024 2024-2025	quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng. - Hoạt động tốt website nhà trường, thường xuyên tuyên truyền phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến mọi tầng lớp nhân dân. - Tiếp thu các góp ý rộng rãi của nhân dân trong huyện.
Tiêu chí 1.3	Bí thư chi bộ Phó bí thư chi bộ CT Công đoàn Bí Thư đoàn		Các năm học 2022-2023 2023-2024 2024-2025	- Giữ vững Chi Bộ Đảng trong sạch, vững mạnh, hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao - Các đoàn thể xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể, công khai - Phân công phụ trách các hoạt động chuyên biệt, trách chồng chéo, kiêm nhiệm. - Tổ chức nhiều hoạt động (nghiên cứu khoa học, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện, hướng nghiệp...) đóng góp hiệu quả trong hoạt động nhà trường và cộng đồng.
Tiêu chí 1.4	-Các thành viên tổ văn phòng - Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn			- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động cụ thể, chi tiết, đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Hàng năm rà soát , đánh giá, điều chỉnh. - Tổ chuyên môn tổ chức các chuyên đề chuyên môn , đổi mới PPDH hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - Tạo điều kiện cho GV học nâng cao trình độ trên chuẩn, tham gia đầy đủ các buổi tập huấn.
Tiêu chí 1.5	-Phó hiệu trưởng Nguyễn Quang Hiếu		Các năm học 2022-2023 2023-2024 2024-2025	- Hàng năm sắp xếp cơ sở học sinh trong mỗi lớp không có quá 40 học sinh (vừa phù hợp với nguyện vọng của HS và PHHS vừa phù hợp với mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường về phân loại đối tượng HS)

Tiêu chí 1.6	- Hội đồng trường			- Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. - Học tập và áp dụng hiệu quả các phần mềm Kế toán chuyên phục vụ doanh nghiệp FAST.
Tiêu chí 2.1	-Hiệu trưởng			- Hàng năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt. - Đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thanh Tùng cần hoàn thiện chứng chỉ ngoại ngữ theo chuẩn vào năm 2022.
Tiêu chí 2.2	-Hiệu trưởng			Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho ĐNGV theo chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GD phổ thông. Tập huấn nâng cao về phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS, hướng dẫn HS nghiên cứu KHKT.
Tiêu chí 2.3	Nhân viên			- Hàng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.
Tiêu chí 2.4	-GV quản lý các câu lạc bộ			- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ ngoại khóa. -Các câu lạc bộ ngoại khóa có HS tham gia thi các giải cấp thành phố, quốc gia. - Hàng năm có giải KHKT cấp thành phố. Phần đầu có giải KHKT cấp quốc gia. - Tạo điều kiện cho HS ôn thi lấy chứng chỉ quốc tế MOS, IELTS....

2.3. Giải pháp về chính sách (nguồn kinh phí)

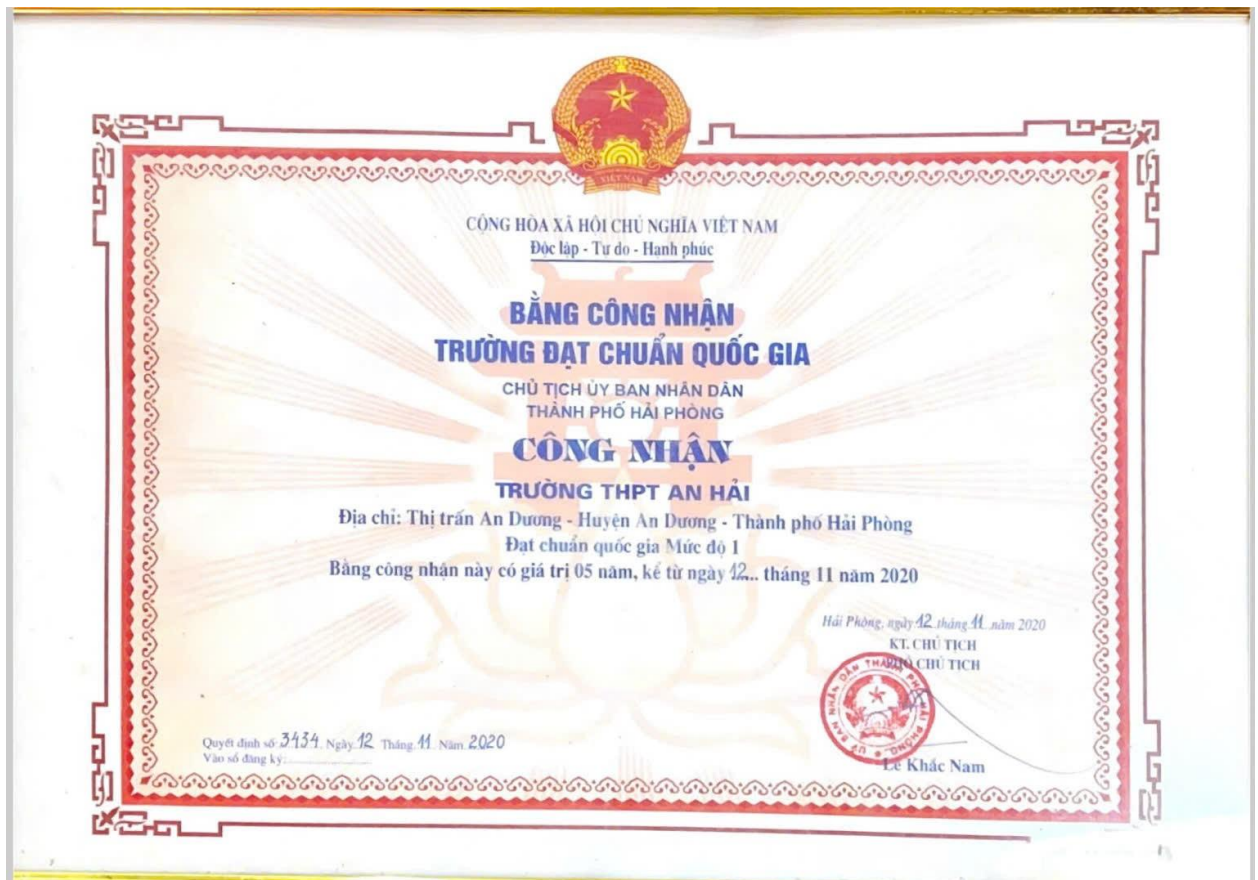
Nhà trường có trách nhiệm đầu tư tài chính, CSVC, văn phòng phẩm và các điều kiện khác để thu thập tư liệu, xây dựng và bảo quản bộ hồ sơ tự đánh giá theo đúng quy định.

3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI VÀ CÔNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA:

3.1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia(nếu có)

- Thời gian nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: **12/11/2020**
- Mức độ được công nhận: **Đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1**

- Thời gian hết hiệu lực: **Tháng 11/ 2025**



3.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1

3.3. Đánh giá chung.

a. Điểm mạnh

- Tháng 11/2020 Trường THPT An Hải được Giám đốc Sở GD&ĐT chứng nhận “Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2”
- Tháng 11/2020, Trường THPT An Hải được Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng trao Bằng công nhận “Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1”.

Trường THPT An Hải trở thành trường THPT ngoài công lập đầu tiên trên địa bàn thành phố được công nhận trường chuẩn Quốc gia.

b. Hạn chế.

- Nhà trường mới đạt “Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2” và “Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1”.
- Trang thiết bị chưa đầy đủ theo Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

c. Nguyên nhân của hạn chế.

- Do là trường Ngoài công lập không có sự đầu tư của nhà nước nên chưa có nhiều điều kiện thuận lợi để đầu tư trang thiết bị đầy đủ theo Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

- Giải pháp: Nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường trong giai đoạn 2024-2026 và tầm nhìn 2025 – 2030. Lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng

cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; Thầy và trò trường THPT An Hải tiếp tục tập trung sức lực, vật lực vào công tác tự đánh giá các tiêu chí chưa đạt được ở Mức 2, Mức 3...

4. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

4.1. Mục tiêu: Mục tiêu đến tháng 12 năm 2025 đạt kiểm định cấp độ 3. Đạt chuẩn mức độ 2

4.2. Kế hoạch:

4.2.1. Năm học: 2024-2025.

- Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá
- Triển khai các văn bản về công tác kiểm định chất lượng:
- Thông qua Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Thông qua kế hoạch tự đánh giá của trường THPT An Hải.
- Hướng dẫn thu thập thông tin minh chứng.

4.2.2. Năm học: 2025-2026.

*** Học kì I năm học: 2025-2026.**

- Dự kiến các minh chứng cần thu thập

+ *Phân tích tiêu chí, tìm minh chứng*

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

+ *Dự kiến các minh chứng cần thu thập*

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (đóng thành quyển riêng) theo mẫu:

Đối với Mức 1, Mức 2 và Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Dự kiến các minh chứng cần thu thập	Nơi thu thập	Nhóm công tác, cá nhân thu thập	Dự kiến chi phí (Nếu có)	Ghi chú

- Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính và các điều kiện liên quan khác và thời điểm cần huy động)

- Hướng dẫn cách viết phiếu đánh giá tiêu chí.

1. Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG;

2. Các nhóm chuyên trách hoặc cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG;

3. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (Trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng)

4. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có).

5. Dự thảo báo cáo TĐG

*** Học kì II năm học: 2025-2026.**

1. Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung.

2. Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường;

3. Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG;

4. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp –

5. Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, đề xuất KH cải tiến chất lượng.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tổ chức thực hiện	Các hoạt động cụ thể
Ban giám hiệu/các tổ chức đoàn thể	- Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG, nhóm thư kí và các vấn đề có liên quan đến các hoạt động TĐG. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG. - Triển khai họp Hội đồng TĐG: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp cho các nhóm công tác và cá nhân; - Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp hội đồng TĐG triển khai hoạt động TĐG (nếu có); - Dự thảo và ban hành kế hoạch TĐG. - Phổ biến kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan. - Tổ chức hội thảo/tập huấn /hội nghị về nghiệp vụ TĐG toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan. - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung. - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp – - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, đề xuất KH cải tiến chất lượng. - Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động tự đánh giá về Sở GD&ĐT. - Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện. - Tổ chức bảo quản báo cáo TĐG, các minh chứng và tài liệu liên quan theo quy định. - Tổ chức thực hiện các KH cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn. - Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với cơ quan có thẩm quyền.

Tổ chức thực hiện	Các hoạt động cụ thể
Tổ nhóm chuyên môn/cá nhân	1. Các nhóm công tác, cá nhân xác định nội hàm thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí. 2. Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được 3. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng minh chứng đã thu thập được. 4. Lập bảng Danh mục mã minh chứng. 5. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí. 6. Các nhóm chuyên trách hoặc cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; 7. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (Trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng) 8. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có). 9. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG; Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành;

V. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC(6) **TRƯỜNG THPT AN HẢI – NĂM HỌC 2024 – 2025**

(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

1. KẾT QUẢ TUYỂN SINH:

Năm học	Chỉ tiêu	HS diện có thi CL	HS diện không thi
2024-2025	490+20 =510	248/510 = 48,62%	262/ 510 = 51,38%

1. THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GD&ĐT NĂM HỌC 2024 – 2025.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I.	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1392	500	469	423
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1276 91.67	431 86.2	438 93.39	407 96.22
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	107 7.69	61 12.4	29 6.18	16 3.78
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	9 0.65	7 1.4	2 0.43	0 0.0

4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
		0.0	0.0	0.0	0.0
II.	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1392	500	496	423
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	491	53	174	264
		35.27	10.6	37.1	62.41
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	743	328	259	156
		53.38	65.6	55.22	36.88
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	147	108	36	3
		10.56	21.6	7.68	0.71
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	11	11	0	0
		0.79	2.2	0.0	0.0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số) (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	912	475	437	395
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	12			12
		0.86			2.84
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	473	51	174	248
		33.98	10.2	31.7	58.63
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	10	10	0	0
		0.72	2.0	0.0	0.0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
		0.0	0.0	0.0	0.0
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	14	0	7	7
		1.0	0.0	1.4	1.6
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	8	1	4	3
		0.57	0.2	0.8	0.7
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
		0.0	0.0	0.0	0.0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	23	12	4	7
		1.65	2.4	0.8	1.6
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				6
1	Cấp huyện				0
2	Cấp thành phố				6
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc				0

	tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				423
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				423
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				206 77.44
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	693	232	246	215
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	6	2	3	1

3. KẾT QUẢ HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2024 – 2025:

- Năm học 2024-2025 đạt 04 giải học sinh giỏi, trong đó có 03 giải các môn văn hóa:

- + 01 giải Nhì môn Tiếng Anh;
- + 03 giải KK môn Giáo dục kinh tế và pháp luật;
- + 01 giải Giải Tư Khoa học kỹ thuật cấp thành phố;

- Năm học 2024-2025 có 05 thầy cô giáo đạt Giáo viên dạy Giỏi cấp thành phố.

4. KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT 2025:

a. Phân tích kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2025:

- Chỉ tiêu nhà trường: 98%
- Kết quả đạt được : 100% (KQ Toàn thành phố = 99,38%)

Môn	NĂM 2024					NĂM 2025				
	Tỷ lệ TTB trường	Điểm Tb Sở	Điểm Tb trường	xếp thứ	So sánh	Tỷ lệ TTB trường	Điểm Tb Sở	Điểm Tb trường	xếp thứ	So sánh
Toán	82,4 %	6.78	6,047	46/65	Giữ nguyên	27,4	5.19	4.35	44/65	Tăng 2 bậc
Văn	99.5 %	7.99	8,292	26/65	Tăng 3 bậc	99.1	6.94	7.17	30/65	Giảm 4 bậc

Anh	27.0 %	5.98	4.118	55/65	Giảm 4 bậc	20.4	5.46	4.16	54/65	Tăng 1 bậc
Sử	85.3 %	6.846	6.179	52/65	Giảm 1 bậc	93.0	6.64	6.79	44/65	Tăng 6 bậc
Địa lí	98.5 %	7.577	7.410	45/65	Giảm 19 bậc	87.0	6.71	6.67	44/65	Tăng 1 bậc
GD CD	99.5 %	8.609	8.286	48/65	Giảm 11 bậc	99.1	7.83	7.72	46/65	Tăng 2 bậc

b. Bảng tổng hợp xếp hạng toàn thành phố Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT các

năm:

Năm	Số TS	Đạt tỷ lệ	Tỷ lệ chung TTP	Điểm Tb TN	Xếp thứ TTP	XL 25 NCL	So sánh năm học trước
2022	419/420	99,76%	99,49	6,538 điểm	44/62	12/22	Tăng 4 bậc so với năm học trước
2023	405/406	99,75%	99,30	6,519 điểm	44/62	10/22	Giữ nguyên so với năm học trước
2024	394/394	100%	99,66	6,710 điểm	45/65	10/25	Giảm 01 bậc so với năm học trước
2025	423/423	100 %	99,38 %	6,236 điểm	37/65	9/25	Tăng 8 bậc so với năm học trước

VI. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (7)

TRƯỜNG THPT AN HẢI – NĂM HỌC 2024 – 2025

1. Các khoản thu năm 2024-2025:

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 68/QĐ-THPTAH

An Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai các khoản thu năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT AN HẢI

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tự thực; Công văn số 130/SGDDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai các khoản thu năm học 2024- 2025 của trường THPT An Hải (có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng văn phòng, kế toán, bộ phận tài vụ, các tổ chuyên môn và các phòng ban có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi gửi

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Diệu

PHỤ LỤC CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2024-2025

- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại Điều 8: Khoản 4.a.b Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

a) Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, có trách nhiệm công khai, giải trình với người học và xã hội về mức thu học phí, giá các dịch vụ do mình quyết định;

b) Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục có trách nhiệm thuyết minh chi phí giáo dục, đào tạo bình quân một học sinh, mức thu học phí hàng năm, mức thu học phí toàn cấp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và toàn khóa học đối với cơ sở giáo dục đại học; thuyết minh lộ trình và tỷ lệ tăng học phí các năm tiếp theo (tỷ lệ tăng hằng năm không quá 15% đối với đào tạo đại học; tỷ lệ tăng không quá 10% đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông) và thực hiện công khai theo quy định của pháp luật và giải trình với người học, xã hội;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tư thục; Công văn số 130/SGDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Hướng dẫn số 3051/HDLIS-GDĐT-STC ngày 02/11/2020 về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Tham khảo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Nghị quyết cuộc họp giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường ngày 05/8/2024 thỏa thuận, thống nhất về nội dung, mục đích các khoản thu và kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2024 -2025;

Trường THPT An Hải phối hợp với Ban Đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường

thống nhất các khoản thu trong năm học 2024-2025 như sau:

TT	Nội dung thu	Số tiền	Ghi chú												
1	Học phí: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại <u>Điều 8: Khoản 4.a. Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục:</u> Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, có trách nhiệm công khai, giải trình với người học và xã hội về mức thu học phí, giá các dịch vụ do mình quyết định; -Theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở từ tháng 7/2024 = 2.340.000đ tăng 30% so với Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 quy định mức lương cơ sở từ tháng 7/2023 = 1.800.000đ. <table> <tr> <th>Nội dung thu</th><th>Lớp đầu tư CLC</th><th>Lớp Mô hình mới</th><th>Lớp Mô hình truyền thống</th></tr> <tr> <td>Thu tiền học phí cả năm học</td><td>17,000,000 đ/HS/năm.</td><td>15,000,000 đ/HS/năm.</td><td>13,000,000 đ/HS/năm.</td></tr> <tr> <td>Mức tăng học phí so với năm 2023-2024</td><td>6.25%</td><td>7.15%</td><td>8.30%</td></tr> </table> Ghi chú: Học phí thu thành 03 đợt trong năm (Đối với phụ huynh có hoàn cảnh khó khăn thì nộp theo từng tháng)			Nội dung thu	Lớp đầu tư CLC	Lớp Mô hình mới	Lớp Mô hình truyền thống	Thu tiền học phí cả năm học	17,000,000 đ/HS/năm.	15,000,000 đ/HS/năm.	13,000,000 đ/HS/năm.	Mức tăng học phí so với năm 2023-2024	6.25%	7.15%	8.30%
Nội dung thu	Lớp đầu tư CLC	Lớp Mô hình mới	Lớp Mô hình truyền thống												
Thu tiền học phí cả năm học	17,000,000 đ/HS/năm.	15,000,000 đ/HS/năm.	13,000,000 đ/HS/năm.												
Mức tăng học phí so với năm 2023-2024	6.25%	7.15%	8.30%												
2	Dạy thêm, học thêm: Căn cứ Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hải Phòng tại <u>Điều 7: Khoản 1.c Thu, quản lý tiền của người học thêm đóng góp:</u> Đối với nhà trường thuộc khu vực huyện thu học phí của người học được tính ổn định sao cho không vượt quá 0,6% mức lương tối thiểu của giáo viên hệ công lập hiện hành = 14.040đ/tiết => Nhà trường thu 9.000 đ/tiết/HS (thu theo tháng, học tháng nào thu tiền tháng đó)														
3	Vở học sinh	240.000đ/hs/năm	(6 quyển 200 trang, 10 quyển 100 trang)												
4	Sách giáo khoa	Từ 320.000/hs/năm	Giá cụ thể theo từng môn học lựa chọn/ từng khối lớp												
5	Quần áo đồng phục														
	Áo đồng phục mùa hè + Cà vạt	120.000đ/chiếc													
	Quần đồng phục (Quần dài)	160.000đ/chiếc													
	Áo zile	160.000đ/chiếc													

	Áo đồng phục mùa đông	240.000đ/ chiếc	
	Bộ đồng phục TDTT	240.000đ/bộ	
	Bộ đồng phục GDQP&AN	270.000đ/bộ	
6	Tin nhắn EnetViet	150.000đ/năm	
7	Bảo hiểm y tế năm 2025:		
	Thu khối 10,11 = Mức lương tối thiểu 2.340.000 x 4.5% x 70% x 12 tháng = 884.520đ / HS/năm.	884.520đ/ HS/năm.	Theo công văn số 1894/ UBND -VP ngày 29/7/2024 Về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024-2025;Theo công văn số 2494/ SGDĐT-VP ngày 19/8/2024 Về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2024-2025.
	Thu khối 12 = Mức lương tối thiểu 2.340.000 x 4.5% x 70% x 9 tháng = 663.390đ/ HS/9 tháng .	663.390đ/ HS/9 tháng .	
8	Thu trông coi xe đạp học sinh: Theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng		
	Xe đạp thường	Miễn phí	Thu theo thực tế học sinh đi xe
	Xe đạp điện /Xe máy điện	50.000đ/tháng	
9	Kinh phí hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp năm học 2024-2025(từ sự ủng hộ tự nguyện của cha mẹ học sinh và nguồn tài trợ hợp pháp khác)		Nhận theo sự tài trợ, ủng hộ tự nguyện của Ban đại diện CMHS và PHHS lớp

Ghi chú: Từ năm học 2021-2022 Hội đồng nhân dân thành phố hỗ trợ học phí cho HS THPT (Cả HS ngoài công lập).

- **Mức hỗ trợ học phí** bằng mức học phí được Hội đồng nhân dân thành phố quy định trên địa bàn cho từng cấp học theo từng năm học.

- **Hình thức hỗ trợ:** Hỗ trợ trực tiếp cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) ký nhận tiền hỗ trợ (Nhà trường sẽ chuyển trực tiếp số tiền hỗ trợ học phí cho cha mẹ HS)

An Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hồng Diệu

2. Kết quả hoạt động tài chính năm 2024:

2.1. Phần thu:

TT	Nội dung	Số tiền
1	Tiền học và các khoản thu	18,003,530,000
2	Ngân sách NN hỗ trợ học phí theo NĐ54/2019/NĐ-HĐND	1,304,086,000
	Tổng thu (I)	19,307,616,000

2.2. Phần chi

TT	Nội dung	Số tiền
1	Lương	10,061,834,495
2	Các khoản phải nộp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, ...)	991,118,465
3	Chi chuyên môn, văn phòng phẩm	341,351,000
4	Tiền điện, tiền nước, vệ sinh, dịch vụ viễn thông, tuyên truyền	507,947,687
5	Trả tiền thuê đất	178,412,100
6	Trả lãi vay xây dựng	810,200,000
7	Khấu hao TSCĐ	1,827,334,943
8	CSVN, sửa chữa nhỏ	1,830,104,400
9	Chi hỗ trợ học phí theo NĐ 54/2019/NQ-HĐND	1,304,086,000
	Tổng chi (II)	17,852,389,090

2.3. Lợi nhuận = (I) - (II)

1.455.226.910

1. Nộp thuế TNDN 10%

145.522.691

2. Chia lợi tức cho nhà đầu tư

1.164.181.528

3. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi

145.522.691

KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Diệu

**VII. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC(8)) - TRƯỜNG THPT AN HẢI
NĂM HỌC 2024 – 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của
Hiệu trưởng trường THPT An Hải)*

1. Nhà trường đã đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công tác GD và dạy học của đội ngũ CBGVNV toàn trường. Tích cực khai thác Hệ hổng học tập điện tử; Sử dụng SGK, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả và phù hợp với thực tiễn. Tích cực ứng dụng CNTT, khai thác ứng dụng công nghệ AI; triển khai thực hiện hiệu quả và thiết thực công tác chuyển đổi số trong công tác quản lý GD, dạy học, hoạt động GD và quản lý kết quả học tập và rèn luyện của HS.

2. Nhà trường tiếp tục đầu tư CSVC theo chiều sâu, hiện đại; Xây dựng phòng học thông minh, thư viện điện tử, hoạt động giáo dục STEM; Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp, đặc biệt đối với lớp 12. Trong đó, tập trung thực hiện hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá nhằm phát huy phẩm chất, năng lực học sinh; Đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp, phát triển các kỹ năng cho học sinh;

3. Thống nhất giữa các tổ chức trong trường chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, đảm bảo tính dân chủ, công khai, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả cao; Chủ động phòng, chống cháy nổ và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm ANTT trường học.

4. Xây dựng môi quan hệ phối hợp giữa nhà trường với CMHS, tăng cường GDHS tự giác chấp hành Luật giao thông đường bộ; Tư vấn, hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho HS toàn trường. XD lớp học hạnh phúc, trường học hạnh phúc để HS thực sự cảm thấy hạnh phúc mỗi khi đến trường, góp phần giữ vững và phát huy truyền thống của nhà trường, có kết quả đầu ra luôn đứng trong TOP đầu khối trường THPT ngoài công lập của thành phố Hải Phòng.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c)
- UBND phường (để b/c) ;
- Phòng KTKĐCL (để b/c);
- Website trường;
- Lưu VT.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG





HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hồng Diệu

